

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh ngày 25/5/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo số 02/2023/BC-HĐQT ngày 04/5/2023 về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022 và Nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2023.

Điều 2: Thông qua Báo cáo số 01/2023/BC-HĐQT ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Điều 3: Thông qua Báo cáo số 01/2023/BC-BKS ngày 05/4/2023 của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2022, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2023.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 và Tờ trình số 01/2023/TT-BKS ngày 04/5/2023 của Ban kiểm soát về đề nghị thông qua việc uỷ quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 01/2023 TT-TCTC ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và dự kiến năm 2023.

Điều 6: Thông qua Tờ trình số 02/2023/TT-TCTC ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị về đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023.

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 03/2023/TT-TCTC ngày 29/3/2023 của Hội đồng quản trị về phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Điều 8: Thông qua nội dung miễn nhiệm và phương án bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thời gian còn lại nhiệm kỳ 2020-2025 theo Tờ trình số 04/2023/TT-TCTC ngày 29/3/2023.

8.1 Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Hà Ninh.

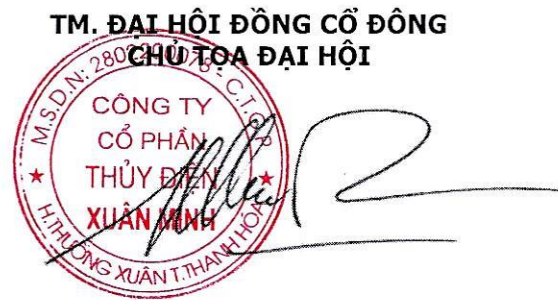
8.2 Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT: Bà Phùng Thị Thu Huyền trúng cử thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.

Điều 9: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 25/5/2023 của Công ty thông qua toàn văn tại cuộc họp với tỷ lệ biểu quyết đồng ý 100% và có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung trên phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- Các TV HĐQT, Ban GD, Ban KS (để t/h);
- Các Phòng ban chức năng của CTy (để t/h);
- Website Công ty (thay cho thông báo);
- Lưu VP.



Số: 01/2023/BB/XM-ĐHĐCĐ

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 5 năm 2023

BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.
Địa chỉ : Tầng 2 - Khu nhà QLĐH các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
Giấy chứng nhận ĐKKD : Số 2802200078 Ngày cấp: 03/10/2014
Thời gian họp : Bắt đầu lúc **09 giờ 30** phút ngày 25/5/2023.
Kết thúc hồi **11 giờ 20** phút ngày 25/5/2023.
Địa điểm họp: : Hội trường tầng 3 - Khu nhà QLĐH các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
Chương trình và nội dung đại hội: : Theo chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
Chủ tọa đại hội : Ông Trịnh Nguyên Khánh - Chủ tịch HĐQT Công ty.
Thư ký đại hội: : Bà Đinh Thùy Lâm; Bà Đỗ Thị Hồng Ngát.
Số đại biểu tham dự: : **05** cổ đông và người được uỷ quyền dự họp, đại diện cho **10.816.284** cổ phần, chiếm **72,11%** tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.



DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI (Theo trình tự thời gian)

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

- Ban tổ chức tiến hành đăng ký đại biểu tham dự đại hội.
- Ông Nguyễn Thanh Phương – Thay mặt Ban tổ chức tuyên bố khai mạc đại hội.
- Ông Nguyễn Thanh Phương – Đại diện Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo việc kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội.
- Ông Nguyễn Thanh Phương – Đại diện Ban tổ chức giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội, đề cử các thành viên trong Đoàn chủ tịch Đại hội và Đại hội đã nhất trí thông qua, gồm:
 - Ông Trịnh Nguyên Khánh - Chủ tịch HĐQT Công ty
 - Ông Phạm Quang Minh - TGD Công ty
 - Bà Đinh Thị Hạnh - Trưởng BKS Công ty
- Ông Nguyễn Thanh Phương – Đại diện Ban tổ chức, đề cử các thành viên của Ban thư ký Đại hội và Đại hội đã nhất trí thông qua, gồm:
 - Bà Đinh Thùy Lâm - Trưởng ban
 - Bà Đỗ Thị Hồng Ngát - Thành viên
- Ông Nguyễn Thanh Phương – Đại diện Ban tổ chức, đề cử các thành viên của Ban kiểm phiếu Đại hội và Đại hội đã nhất trí thông qua, gồm:
 - Ông Nguyễn Hùng Cường - Trưởng ban
 - Ông Lê Công Luân - Thành viên

3. Ông Hoàng Trung Hiếu - Thành viên

- ĐHĐCĐ thông qua nội dung chương trình họp và Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.
- Kết thúc thủ tục khai mạc hội nghị, ĐHĐCĐ bắt đầu chương trình Đại hội theo Chương trình, Nội dung đã được Đại hội thông qua và được đính kèm Biên bản này.

II. CÁC NỘI DUNG TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

- Ông Phạm Quang Minh – Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo Kết quả thực hiện SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.
- Ông Trịnh Nguyên Khánh – Chủ tịch HĐQT trình bày báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2023.
- Bà Đinh Thị Hạnh – Trưởng BKS Công ty, trình bày: Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty trong năm 2022; Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán; Tờ trình thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.
- Ông Trịnh Nguyên Khánh - Chủ tịch HĐQT trình bày: Tờ trình của HĐQT về phân phối lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2022; Tờ trình của HĐQT về phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2023; Tờ trình phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

III. MIỄN NHIỆM VÀ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2020-2025

- Ông Trịnh Nguyên Khánh trình bày trước Đại hội: Tờ trình số 04/2023/TT-TCTC ngày 29/3/2023 của HĐQT về việc thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025 và đại hội đã nhất trí thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
- Cổ đông pháp nhân Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (đại diện 7.650.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ) giới thiệu bà Phùng Thị Thu Huyền đề cử tham gia bổ sung thành viên HĐQT và đại hội đã nhất trí thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
- Ông Nguyễn Hùng Cường – Trưởng ban bầu cử và kiểm phiếu trình bày trước Đại hội quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 và đại hội đã nhất trí thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

IV. THẢO LUẬN

- Cổ đông Nguyễn Thị Thanh Thủy đánh giá cao phương thức quản lý hiện đại và đổi mới của Công ty trong thời gian qua.
- Cổ đông Đỗ Văn Hoan đề xuất Công ty xem xét các phương án cân đối dòng tiền trong việc trích quỹ dự phòng và trả nợ ngân hàng để tối ưu lợi ích cho doanh nghiệp. Đồng thời, ông Đỗ Văn Hoan mong muốn Công ty đầu tư mạnh công tác xã hội hoá tại địa phương.

V. BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI

- Ông Trịnh Nguyên Khánh - Chủ tịch HĐQT xin ý kiến Đại hội biểu quyết các nội dung trình Đại hội thông qua.
- Ông Nguyễn Hùng Cường – Trưởng ban kiểm phiếu điều hành phần bỏ phiếu biểu quyết các nội dung xin ý kiến Đại hội.
- Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung đã được trình bày tại Đại hội như ở phần trên.
- Đại hội nghị giải lao và Ban kiểm phiếu tiếp nhận hòm phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu.
- Sau khi làm nhiệm vụ kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết cho từng nội dung như sau:
 - + Tổng số phiếu phát ra tại thời điểm tiến hành biểu quyết là 05 phiếu tương ứng với 10.816.284 quyền biểu quyết.

- + Tổng số phiếu thu về tại thời điểm tiến hành biểu quyết 05 phiếu tương ứng với 10.816.284 quyền biểu quyết.
- + Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ là 05 phiếu, tương ứng với 10.816.284 cổ phần chiếm 100 % tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- + Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ là 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

1. Nội dung 1: Thông qua Báo cáo số 02/2023/BC-HĐQT ngày 04/5/2023 của HĐQT về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022 và Nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2023

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.816.284 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

2. Nội dung 2: Thông qua Báo cáo số 01/2023/BC-HĐQT ngày 29/3/2023 của HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.816.284 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

3. Nội dung 3: Thông qua Báo cáo số 01/2023/BC-BKS ngày 05/4/2023 của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2022, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2023

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.816.284 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

4. Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 và Tờ trình số 01/2023/TT-BKS ngày 04/5/2023 của Ban kiểm soát về đề nghị thông qua việc ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.816.284 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

5. Nội dung 5: Thông qua Tờ trình số 01/2023 TT-TCTC ngày 29/3/2023 của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và dự kiến năm 2023

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.816.284 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.



- Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

6. Nội dung 6: Thông qua Tờ trình số 02/2023/TT-TCTC ngày 29/3/2023 của HĐQT về đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.816.284 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

7. Nội dung 7: Thông qua Tờ trình số 03/2023/TT-TCTC ngày 29/3/2023 của HĐQT về phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 10.816.284 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số cổ phần biểu quyết không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

8. Nội dung 8: Thông qua nội dung miễn nhiệm và phương án bầu bổ sung thành viên HĐQT thời gian còn lại nhiệm kỳ 2020-2025 theo Tờ trình số 04/2023/TT-TCTC ngày 29/3/2023

8.1 Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Hà Ninh.

8.2 Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025:

Bà Phùng Thị Thu Huyền nhận được 10.816.284 số quyền bầu cử, chiếm tỷ lệ 100%. Căn cứ kết quả kiểm phiếu và Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Bà Phùng Thị Thu Huyền đã trúng cử thành viên HĐQT thời gian còn lại của Nhiệm kỳ 2020-2025.

VI. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Đinh Thuỳ Lâm – Trưởng ban thư ký đọc Biên bản Đại hội để Đại hội thông qua.
2. Bà Đinh Thuỳ Lâm – Trưởng ban thư ký đọc Nghị quyết đại hội để Đại hội thông qua.
3. Đại hội đã nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết đại hội và Biên bản Đại hội ngay tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết đồng ý 100%.
4. Chủ tọa Trịnh Nguyên Khánh tuyên bố bế mạc đại hội.

Các tài liệu đính kèm biên bản:

1. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2023;
2. Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023;
3. Biên bản kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đinh Thuỳ Lâm

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Trịnh Nguyên Khánh

Số: 02/2023/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2022 VÀ NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2023

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023

Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2023 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Nhân sự Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT
1	Ông Trịnh Nguyên Khánh	CT HĐQT	Bổ nhiệm kể từ ngày 20/4/2021
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	TV HĐQT	
3	Ông Phạm Văn Minh	TV HĐQT	Bổ nhiệm kể từ ngày 20/4/2021
4	Ông Lê Văn Thủy	TV HĐQT	Bổ nhiệm kể từ ngày 20/4/2021
5	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	TV HĐQT	Bổ nhiệm kể từ ngày 20/4/2021

2. Công tác chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị đã quyết liệt triển khai các nội dung theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định của pháp luật. Kết quả thực hiện như sau:

❖ Về kết quả sản xuất kinh doanh: Tổng doanh thu đạt **80,41** tỷ đồng, tăng 7,08 tỷ đồng (tương đương 10%) so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt **20,62** tỷ đồng, tăng 6,7 tỷ (khoảng 48%) so với kế hoạch, tăng 5,2 tỷ đồng (34%) so với năm 2021.

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022	TH 2022	TH-KH 2022	% tăng/giảm
Sản lượng	kwh	62.201.619	72.698.210	10.496.591	17%
Doanh thu	tr.đ	72.744	80.415	7.671	11%
Chi phí	tr.đ	58.119	58.443	324	1%
Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	14.625	21.972	7.347	50%
Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	13.894	20.622	6.728	48%

❖ Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Ngày 27/6/2022, HĐQT ban hành Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐQT, lựa chọn đơn vị kiểm toán là **Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC** thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022. Báo cáo tài chính đã được phát hành ngày 02/3/2023, trình ĐHĐCĐ thông qua tại kỳ đại hội thường niên năm 2023.

❖ Về phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2022: HĐQT trình ĐHĐCĐ tại tờ trình số 01/2023/TT-TCTC ngày 29/3/2023.

❖ Về thù lao HĐQT, BKS năm 2022, HĐQT thực hiện theo đúng quy định của Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022; không phát sinh chi phí hoạt động và các lợi ích khác.

Đơn vị tính: đồng

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Thù lao
1	Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	48.000.000
3	Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên HĐQT	48.000.000
4	Phạm Văn Minh	Thành viên HĐQT	48.000.000
5	Lê Văn Thủy	Thành viên HĐQT	48.000.000
Tổng thù lao năm 2022			252.000.000

3. Các hoạt động khác của HĐQT

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, đồng thời tăng tính chủ động điều hành của Ban Tổng giám đốc. Một số định hướng quan trọng trong năm 2022:

- Đẩy mạnh hiệu quả phát điện: Chỉ đạo thành công phương án cải tiến quy trình phát điện, ban hành chính thức tháng 1/2023.
- Kiểm soát rủi ro lãi suất: Ngày 28/11/2022, HĐQT ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐQT, hiệu lực từ 01/12/2022. Nghị quyết có nội dung thông qua giải pháp huy động vốn theo biểu lãi suất: Điều chỉnh theo quý, biên độ công ty phê duyệt tham chiếu lãi suất Vietinbank. Phương án đã đảm bảo tính phù hợp với mặt bằng lãi suất trên thị trường tại thời điểm; tăng tính linh hoạt trong việc điều chỉnh lãi suất khi thị trường có biến động; Và tăng tính hấp dẫn lãi suất trong việc huy động tiền vay từ các cá nhân.
- Kiểm soát rủi ro vận hành thiết bị: Chủ trương thiết lập dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định, vừa đảm bảo không gián đoạn công tác vận hành sản xuất, vừa đảm bảo không làm biến động chi phí sản xuất kinh doanh các kỳ. HĐQT trình ĐHĐCĐ phương án trích quỹ đầu tư phát triển tại Báo cáo số 01/2023/BC-HĐQT ngày 29/3/2023.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2022, giám sát hoạt động công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch, chính xác theo đúng quy định.
- Các Nghị quyết, Quyết định đã được HĐQT ban hành trong năm 2022:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/2022/NQ-HĐQT	10/3/2022	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
2	02/2022/NQ-HĐQT	27/6/2022	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập - AASC
3	03/2022/NQ-HĐQT	08/8/2022	Thông qua chủ trương thực hiện giao dịch với Người có liên quan
4	04/2022/NQ-HĐQT	12/9/2022	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền
5	05/2022/NQ-HĐQT	28/11/2022	Thông qua phương án huy động vốn duy trì hoạt động SXKD từ 01/12/2022
6	06/2022/NQ-HĐQT	30/11/2022	Phê duyệt chủ trương triển khai thực hiện hợp đồng thuê đường dây 110kV Cửa Đạt-Mục Sơn-Ba Chè và một số dịch vụ khác
7	01/2022/QĐ-HĐQT	19/01/2022	Chi bổ sung lương nhân dịp Tết nguyên đán Nhâm Dần 2022
8	02/2022/QĐ-HĐQT	04/4/2022	Chi thưởng hoàn thành kế hoạch SXKD Q1/2022
9	03/2022/QĐ-HĐQT	10/5/2022	Chi bổ sung lương nhân dịp kỷ niệm 18 năm thành lập VCP
10	03A/2022/QĐ-HĐQT	07/6/2022	Giá cổ tránh sạt lở bờ lòng hồ công trình thủy điện Xuân Minh tại khu vực thôn Xuân Minh và Tiến Sơn 1
11	04/2022/QĐ-HĐQT	20/6/2022	Thông qua việc vay vốn tại Vietcombank Hà Thành
12	05/2022/QĐ-HĐQT	18/7/2022	Chi bổ sung lương hoàn thành KH SXKD 06 tháng đầu năm 2022

13	06/2022/QĐ-HĐQT	02/11/2022	Chi thường Ban TGD hoàn thành kế hoạch SXKD T10/2022
14	07/2022/QĐ-HĐQT	02/11/2022	Chi thường đối với CBCNV hoàn thành kế hoạch SXKD T10/2022

4. Giao dịch với các bên liên quan:

- 4.1.** Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: *(Không có)*
- 4.2.** Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm trở lại đây:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tổ chức	Số Giấy ĐKKD	Căn cứ pháp lý	Nội dung	Giá trị giao dịch năm 2022
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	2800799804	Hợp đồng số 20/2021/HĐKT-XM-VCP ngày 30/12/2021	Thuê đường dây 110kV Cửa Đạt - Mục Sơn - Ba Chè và một số dịch vụ khác	681.818.182
2			Hợp đồng số 01/2021/HĐTVP/VCP-XM ngày 30/6/2021	Hợp đồng thuê văn phòng tại Hà Nội	300.000.000
3			Nghị quyết số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/XM ngày 26/4/2022	Chi trả cổ tức năm 2021	7.650.000.000
4	Công ty Cổ phần Cơ Điện VCP	0109298049	Hợp đồng số 10/2021/HĐKT-XM-VCPME ngày 30/12/2021	Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng và khắc phục sự cố năm 2022	525.000.000
5			Hợp đồng số 04/2022/HĐKT-XM-VCPME ngày 22/7/2022	Thực hiện công tác tiểu tu khối tổ máy H1-T1; H2-T2	220.000.000
6			Hợp đồng số 01/2021/HĐTD-XM và 03/2022/HĐTD-ME-XM	Trả lãi vay	140.002.389
7	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	5500290578	Hợp đồng số 21/2022/XM-NLA và 39/2022/HĐTD-NLA-XM	Trả lãi vay	2.130.411
8			Hợp đồng số 01/2022/XM-NLA ngày 04/01/2022	Cho thuê xe ô tô	84.000.000
9	Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	2801952893	Hợp đồng số 01/2022/XM-BT ngày 04/01/2022	Cho thuê xe ô tô	36.000.000
10	Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	0100902925	Nghị quyết số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/XM ngày 26/4/2022	Chi trả cổ tức năm 2021	750.000.000

5. Đánh giá về hoạt động của Ban điều hành

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành được thực hiện thông qua các hình thức: Tổ chức cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia họp định kỳ do Tổng Giám đốc tổ chức, thông qua báo cáo của Tổng giám đốc bằng văn bản/email. Thông qua hoạt động giám sát cho thấy:

- Ban điều hành và tập thể CBCNV đã nỗ lực triển khai hoạt động SXKD, quản lý, vận hành hiệu quả dự án, thường xuyên đưa ra những đề xuất, giải pháp kịp thời, phù hợp tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng doanh thu, tối đa hoá lợi nhuận cho công ty.
- Ban điều hành tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Ban điều hành cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời tới HĐQT, BKS, tạo điều kiện BKS tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty;

- Ban điều hành duy trì tốt lịch họp định kỳ, thường xuyên trao đổi, đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh các giải pháp quản lý, sản xuất một cách linh hoạt, đạt hiệu quả cao.
- Ban điều hành là một tập thể đoàn kết, nghiêm túc trong công việc, chủ động, sáng tạo trong quản lý điều hành.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Qua việc nhận định và dự báo về tình hình kinh tế, xã hội, nắm bắt các số liệu, diễn biến của tình hình thủy văn, cũng như trách nhiệm trước cổ đông, Hội đồng quản trị xác định một số mục tiêu trọng tâm của công tác quản trị điều hành trong năm 2023 như sau:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Giám sát triển khai thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 theo các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ thường niên thông qua, dự kiến:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	+/-	% tăng/giảm
Sản lượng	kwh	72.698.210	69.951.268	-2.746.942	-3,8%
Doanh thu	tr.đ	80.415	78.773	-1.642	-2,0%
Chi phí	tr.đ	58.443	65.100	6.657	11,4%
Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	21.972	13.673	-8.299	-37,8%
Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	20.622	12.758	-7.864	-38,1%

2. Nhiệm vụ trọng tâm khác

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
- Tăng cường năng lực quản trị, đề ra chiến lược, giải pháp toàn diện để nâng cao năng lực sản xuất công ty;
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, củng cố, sắp xếp mô hình quản lý phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua./.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH



Trịnh Nguyễn Khánh

Số: 01/2023/XM-HĐQT

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO

V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2023 như sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh diễn ra trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức và tình hình thủy văn 6 tháng đầu năm không thuận lợi. Với tầm nhìn chiến lược, tư duy nhạy bén của đội ngũ lãnh đạo, cùng sự nỗ lực, đồng lòng của tập thể CBCNV, các chỉ tiêu đạt được trong năm 2022 có thể coi là minh chứng cho thấy khả năng vượt qua bất ổn và tiềm năng tăng trưởng của một đơn vị thành viên VCP nói riêng và mảng năng lượng của VCP holdings nói chung.

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. CÔNG TÁC VẬN HÀNH PHÁT ĐIỆN

1. Thử nghiệm thành công phương án vận hành mới

Nằm trong mục tiêu chiến lược “vận hành hiệu quả”, với mục tiêu cụ thể xác định phương thức vận hành ghi chép, đối chiếu, phân tích số liệu, đến tối ưu quy trình phát điện, các phương án chạy máy với nhiều kịch bản thiết lập được khởi động cuối 2022, giải pháp **tối ưu chạy máy các khung giờ** đã được hoàn thiện.

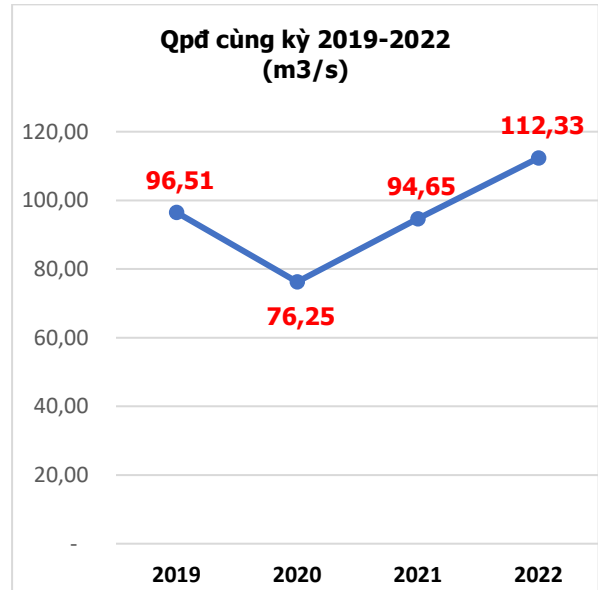
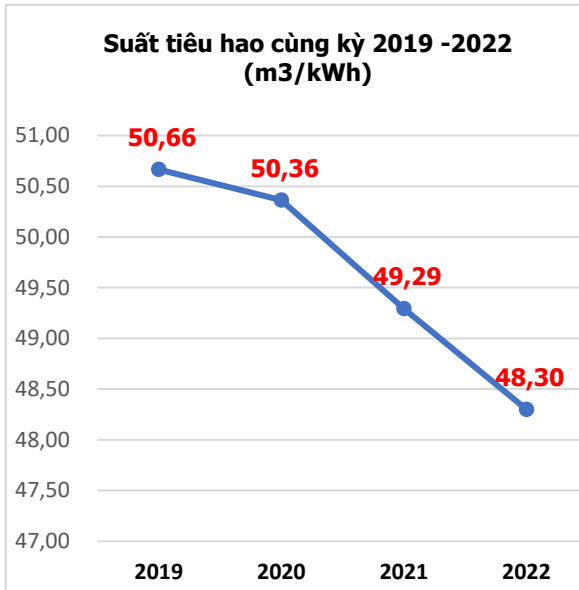
2. Ban hành chính thức quy trình vận hành phát điện hiệu quả

“Quy trình vận hành phát điện hiệu quả” được coi là một dấu ấn trong năm 2022. Là sản phẩm kế thừa quy trình phát điện áp dụng trước 2022, được điều chỉnh, cải tiến từ kết quả thử nghiệm thành công phương án vận hành mới và chính thức áp dụng từ tháng 1/2023. Quy trình có vai trò quan trọng trong việc thống nhất nguyên tắc và trình tự vận hành chạy máy khung giờ cao điểm và các khung giờ khác cho tất cả các ca trực.

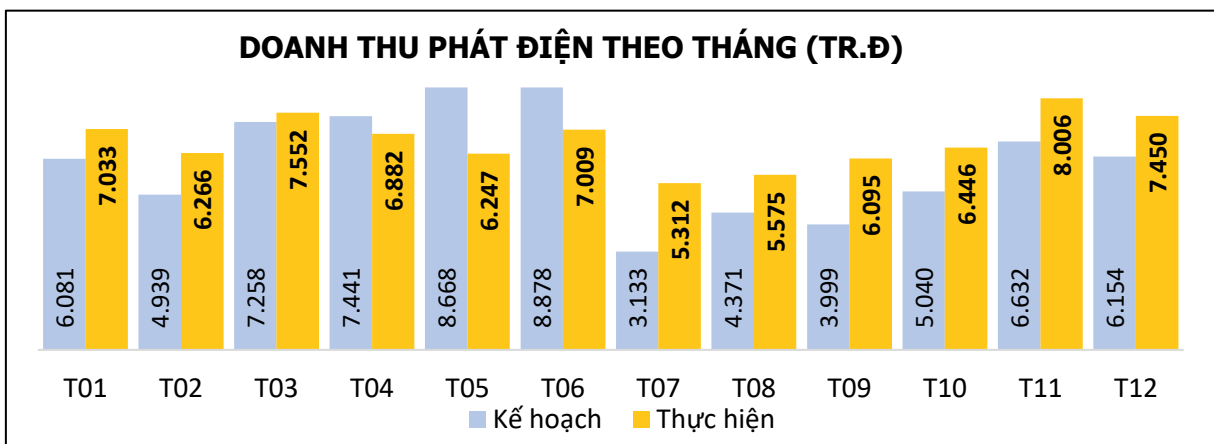
3. Một số dấu ấn hiệu quả phát điện năm 2022

- ✓ Sản lượng phát điện năm 2022 là cao nhất kể từ khi phát điện, đạt 72,69 tr.kWh, vượt 10% sản lượng thiết kế (66,1 tr.kWh);
- ✓ Doanh thu bán điện năm 2022 là cao nhất từ khi nhà máy đi vào vận hành, đạt 79,88 tỷ đồng;
- ✓ Qpđ bình quân 112,33 m³/s, cao hơn TB (2019-2021) ~23,19 m³/s, SL cao hơn 14,4tr.kWh (SLbq 2019-2021: 58,3tr.kWh);
- ✓ Suất tiêu hao nước/1kWh là tốt nhất từ khi NM phát điện, giảm 1,81m³/1kWh so với trung bình các năm 2019-2021;
- ✓ Công suất phát điện Biểu 2 đạt 13,9MW

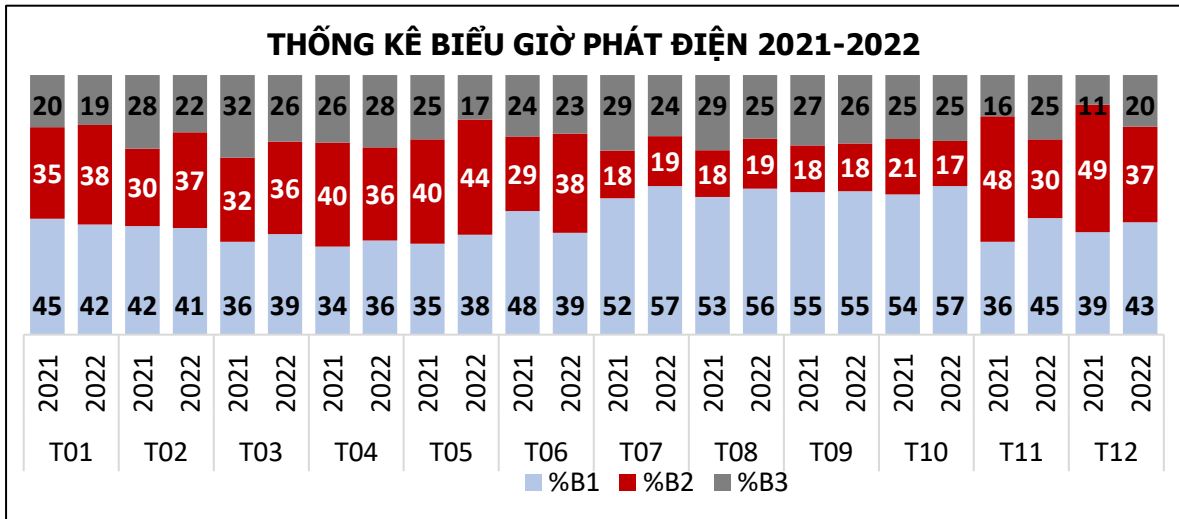
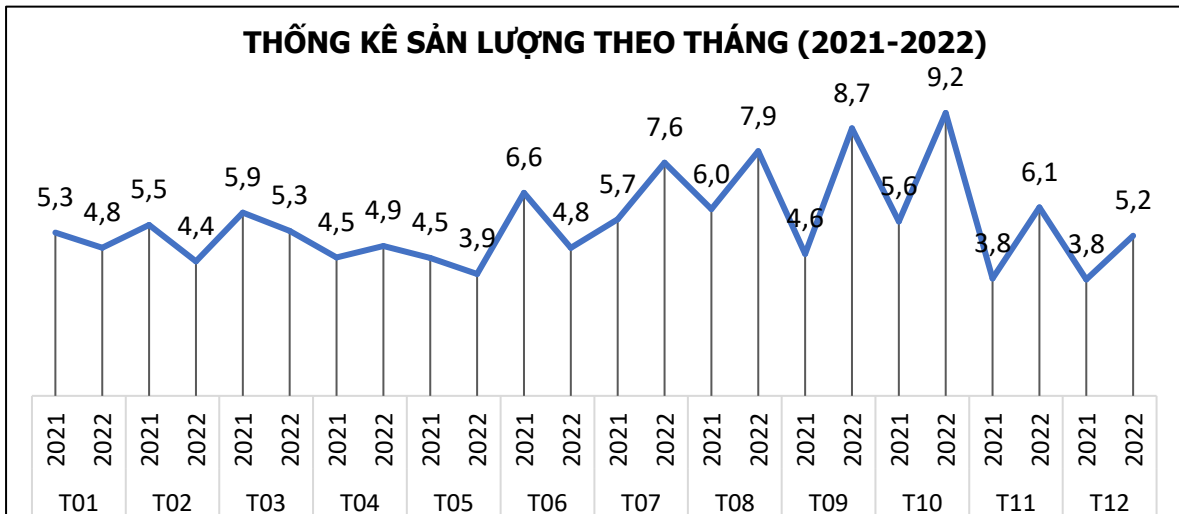
- ✓ Sản lượng bình quân ngày (Biểu 2: 5h cao điểm) đạt 69.300 kWh/ngày;
- ✓ Hoàn toàn chủ động tích nước phát điện giờ cao điểm, không phụ thuộc vào kế hoạch phát bồi vào khung giờ cao điểm như những năm trước;
- ✓ Sự cố máy móc: 01 lần - sự cố biến tần cửa van số 1, không hạ được cánh phai, không phải dừng máy.
- ✓ Số giờ dừng máy khắc phục sự cố: 0 giờ
- ✓ Các tai nạn lao động, cháy nổ: Không xảy ra
- ✓ Vi phạm các quy định nhà nước: Không



Kết thúc năm 2022, sản lượng phát điện của Nhà máy đạt **72,69 tr.kWh** tương đương 117% kế hoạch, tăng 17% so với năm 2021 (61,88 tr.kWh). Tổng doanh thu đạt 80,41 tỷ đồng, tăng 7,08 tỷ đồng (tương đương 10%) so với năm 2021.



Lưu lượng nước về hồ 6 tháng cuối năm thực tế cao, do vậy sản lượng phát điện tăng đột biến so với dự kiến, bù đắp phần thiếu hụt sản lượng 6 tháng đầu năm. Bên cạnh đó, công tác vận hành phát điện khá hiệu quả do đã tính toán, áp dụng tốt hơn quy trình phát điện giờ cao điểm. Sản lượng phát cao điểm mùa khô 2022 đạt 14,42 tr.kWh.



II. CÔNG TÁC DUY TU, BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

Trong năm 2022, hệ thống máy móc thiết bị vận hành liên tục, an toàn và hiệu quả. Đơn vị chịu trách nhiệm sửa chữa, bảo dưỡng là Công ty Cổ phần Cơ điện VCP (ME, thuộc VCP Holdings).

Tuy nhiên, Báo cáo tình trạng MMTB sau tiểu tu (chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm) do ME lập vào cuối tháng 8/2022 đã nhận định và đưa ra các dự báo cụ thể về tình trạng xuống cấp của 10 hệ thống chính, chu kỳ 3-5 năm tới. Các thiết bị, hệ thống có giá trị lớn; có tính chất đặc thù, chuyên biệt; ít được giao dịch, mua bán phổ biến trên thị trường, cần phải có kế hoạch dài hạn mua sắm dự phòng, thay thế và nâng cấp, như:

- Máy biến áp và các TU, TI đi kèm – Mua sắm bổ sung do hiện tại 2 tổ máy phát điện và được truyền tải trên 1 máy biến áp;
- Hệ thống rơle bảo vệ - đo lường - Dự phòng hư hỏng các modul biến đổi tín hiệu điện áp, dòng điện mà hãng không còn sản xuất;
- Hệ thống điều khiển giám sát - Nâng cấp hoặc thay thế hệ thống điều khiển mới (khi nhà sản xuất không còn cung cấp các model thiết bị hiện tại); ...

Với tổng kinh phí dự kiến từ 14-16 tỷ đồng, **năm 2022 được coi là năm khởi đầu xây dựng lộ trình dự phòng chi phí sửa chữa lớn máy móc thiết bị.**

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH 2022

1. Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	TH-KH 2022	% TH/KH 2022
Sản lượng	kwh	61.877.529	62.201.619	72.698.210	10.496.591	17%
Doanh thu	tr.đ	73.332	72.744	80.416	7.672	11%
Chi phí	tr.đ	57.913	58.119	58.445	326	1%
<i>Chi phí sản xuất</i>	<i>tr.đ</i>	<i>27.516</i>	<i>29.785</i>	<i>30.081</i>	<i>296</i>	1%
<i>Chi phí quản lý</i>	<i>tr.đ</i>	<i>4.211</i>	<i>4.210</i>	<i>4.718</i>	<i>508</i>	12%
<i>Chi phí tài chính</i>	<i>tr.đ</i>	<i>26.186</i>	<i>24.124</i>	<i>23.646</i>	<i>-478</i>	-2%
Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	15.419	14.625	21.971	7.346	50%
Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	15.419	13.894	20.622	6.728	48%

Tổng doanh thu, thu nhập khác đạt 80,41 tỷ đồng, tăng 7,6 tỷ đồng (tương đương 17%) so với kế hoạch đầu năm. Nguyên nhân:

- Thủy văn trong năm tương đối thuận lợi. Lưu lượng nước về hồ thực tế cao, dẫn tới sản lượng phát điện cao.
- Các giải pháp phát điện giờ cao điểm phát huy hiệu quả, dẫn tới doanh thu phát điện đạt cao so với lưu lượng thực tế.

Tổng chi phí: 58,44 tỷ đồng, tăng 326 triệu (tương đương 1%) so với kế hoạch đầu năm, ảnh hưởng bởi tỷ trọng tăng, giảm của các chỉ tiêu chi phí. Cụ thể:

- Chi phí sản xuất tăng 1%, chi phí quản lý tăng 12% do: hạng mục gia cố sạt lở lòng hồ tăng khoảng 1 tỷ đồng so với kế hoạch đầu

năm; Cơ cấu lại khoản mục chi phí từ trực tiếp sang gián tiếp (theo khuyến nghị của kiểm toán viên);

- Chi phí tài chính giảm 2% so với kế hoạch, do dòng tiền tương đối ổn định, dẫn tới trong năm trả 30,1 tỷ vay ngắn, dài hạn. Bên cạnh đó, gốc vay được tối ưu trả nợ trước hạn để tiết giảm chi phí lãi vay.

Lợi nhuận sau thuế đạt 20,62 tỷ đồng, tăng 6,7 tỷ (khoảng 48%) so với kế hoạch, là kết quả tăng doanh thu và tiết giảm các khoản chi phí. So với 2021, lợi nhuận tăng 5,2 tỷ đồng (34%). Tuy nhiên, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố doanh thu chuyển nhượng quyền phát thải CERs năm 2020 (2,1 tỷ đồng), lợi nhuận lũy kế các năm trước đạt 18,46 tỷ đồng.

2. Tóm tắt cân đối tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	+/-	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	12.841	12.449	(392)	-3%
Tài sản dài hạn	tr.đ	431.854	411.425	(20.429)	-5%
Tổng tài sản	tr.đ	444.695	423.874	(20.821)	-5%
Nợ ngắn hạn	tr.đ	33.562	35.120	1.558	5%
Nợ dài hạn	tr.đ	247.869	220.288	(27.581)	-11%
Tổng nợ phải trả	tr.đ	281.431	255.408	(26.023)	-9%
Vốn góp CSH	tr.đ	150.000	150.000	-	0%
LN chưa phân phối	tr.đ	13.263	18.466	5.203	39%
Tổng vốn CSH	tr.đ	163.263	168.466	5.203	3%

Tổng tài sản giảm 20,8 tỷ đồng, từ 444,7 tỷ đồng xuống 423,9 tỷ đồng trong năm 2022. Tỷ trọng giảm chủ yếu nằm ở giảm giá trị tài sản cố định do tăng giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng nợ phải trả giảm mạnh so với năm 2021, xuống 255,4 tỷ đồng, tỷ trọng giảm 11%

nằm ở giảm nợ dài hạn, do dòng tiền dồi dào từ hoạt động kinh doanh được sử dụng để trả các khoản nợ vay.

Tổng vốn CSH tăng 3% do lợi nhuận chưa phân phối trong năm đạt 18,46 tỷ đồng, tăng 39% so với năm 2021.

3. Các chỉ số tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022
Chỉ tiêu về cân bằng tài chính			
Tài sản dài hạn/Nợ dài hạn	lần	1,74	1,87
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	lần	0,63	0,60
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	1,72	1,52
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tài sản	vòng	0,16	0,19
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,98	4,36
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,12	10,96

Kết thúc năm tài chính 2022, chỉ số cân đối tài chính tăng do các khoản vay dài hạn đến hạn trả được trình bày trên khoản mục nợ ngắn hạn (24,4 tỷ). Các chỉ số cơ cấu vốn, năng lực

hoạt động và khả năng sinh lời được cải thiện đáng kể, do hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm khá khả thi, nợ vay dài hạn giảm mạnh và lợi nhuận chưa phân phối tăng mạnh.

IV. CÔNG TÁC NHÂN SỰ VÀ KHÁC

“Tinh gọn bộ máy và ổn định nhân sự”: Tổng số lao động 24 CBCNV, tỷ lệ lao động gián tiếp và trực tiếp tương ứng 6-18 tại 31/12/22 và ổn định từ năm 2021.

“Hiện đại hoá phương thức vận hành”: Ứng dụng chương trình kiểm soát dòng chảy **HNT**: Là giải pháp công nghệ với mục tiêu tối ưu hoá kế hoạch vận hành và hệ thống liên hồ

bằng phương pháp mô phỏng; Hoàn thành 98% công tác số hoá tài liệu; Tự động hoá công tác văn thư lưu trữ; Quản lý, khai thác dữ liệu trên thư mục dùng chung **onedrive**;

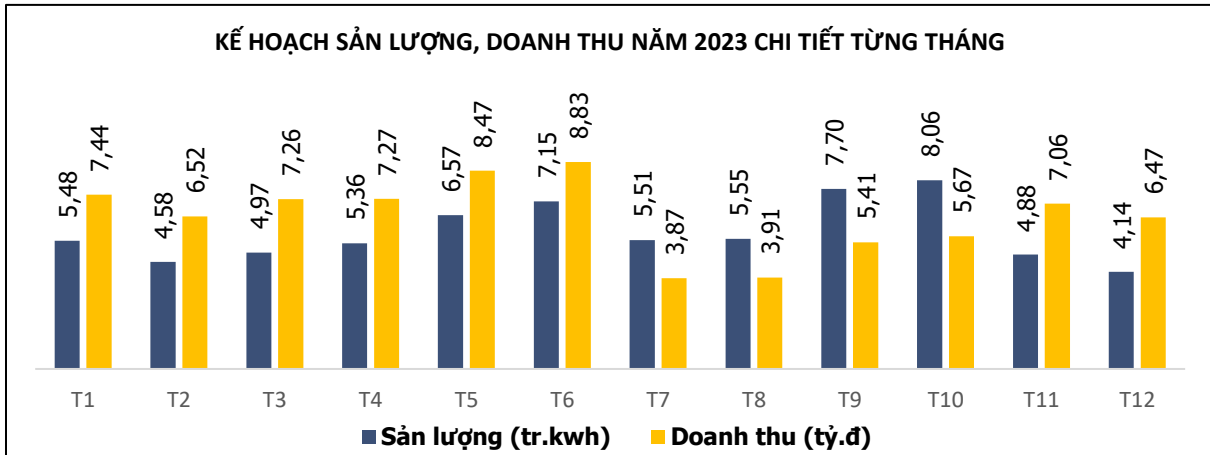
“Ứng dụng những công cụ quản lý tiên tiến”: Quản lý chiến lược theo **BSC**; Duy trì tính hiệu quả **5S**; Xây dựng ý thức cải tiến (**kaizen**) tại nơi làm việc.

B. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG, DOANH THU PHÁT ĐIỆN NĂM 2023

Kế hoạch phát điện năm 2023 được xây dựng trên căn cứ: Kế hoạch phát điện của thủy điện Cửa Đạt và dự kiến lưu lượng nước về từ Sông Đạt khoảng **113,76m³/s**. Mức nước hồ Cửa

Đạt hiện tại đạt cao trình **99m**. Phương thức phát điện năm 2023 tiếp tục kế thừa hiệu quả từ việc áp dụng phương thức vận hành mới, ban hành chính thức T1/2023.



II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	+/-	TỶ LỆ
Sản lượng	kwh	72.698.210	69.951.268	-2.746.942	-3,8%
Doanh thu	tr.đ	80.416	78.773	-1.642	-2,0%
Chi phí	tr.đ	58.445	65.100	6.657	11,4%
Chi phí sản xuất	tr.đ	30.081	30.828	747	2,5%
Chi phí quản lý	tr.đ	4.718	5.807	1.090	23,1%
Chi phí tài chính	tr.đ	23.646	28.465	4.820	20,4%
Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	21.971	13.673	-8.299	-37,8%
Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	20.622	12.758	-7.864	-38,1%

Chỉ tiêu doanh thu: Giảm 1,6 tỷ (2%) so với năm 2022, do lưu lượng nước về hồ được nhận định không khả thi như 2022, dẫn tới sản lượng phát điện dự kiến giảm 3,8%.

Chỉ tiêu chi phí: Tăng 11,4%, do tăng/giảm tỷ trọng các chỉ tiêu chi phí, cụ thể:

- Chi phí sản xuất và quản lý tăng 1,8 tỷ so với 2022, do dự kiến phát sinh các khoản mục: Xây dựng kho chứa vật tư thiết bị dự phòng, kinh phí 700-800 triệu đồng (Hiện trạng kho tạm đã xuống cấp. tận dụng từ thời điểm thi công công trình); Mua sắm 01 xe tải ben 3,5T

vận chuyển rác thải, kinh phí 500 triệu đồng (Hiện trạng đang sử dụng xe cải tiến, hiệu suất thấp, rác bị ùn ứ tại cửa nhận nước trong mùa lũ); Kinh phí thuê đường dây được nhận định theo đúng giá trị thị trường; ...

- Chi phí tài chính tăng 4,8 tỷ so với 2022, do lãi suất vay bình quân (World bank+SHB) tăng từ 9% lên 11,5%, lãi suất huy động tăng 9,5% lên 11,6%.

Chỉ tiêu lợi trước thuế: giảm 8,3 tỷ (37,8%) so với 2022, do tăng/giảm tỷ trọng của doanh thu, chi phí trong kỳ.

III. KẾ HOẠCH DỰ PHÒNG KINH PHÍ SỬA CHỮA LỚN TSCĐ

Với mục tiêu vừa đảm bảo máy móc vận hành liên tục, ổn định, vừa đảm bảo không làm biến động chi phí sản xuất kinh doanh các năm, việc chuẩn bị nguồn mua sắm thiết bị dự phòng

thay thế trong 3-6 năm tới cần được thống nhất triển khai. Trong đó, phương án **trích quỹ đầu tư phát triển** từ lợi nhuận sau thuế, với giá trị từ 14-16 tỷ đồng, là một trong những phương

án khả thi được ban điều hành đề xuất HĐQT, ĐHCĐ, bắt đầu từ kết quả SXKD năm 2022. Dự kiến, quý 4/2023 Công ty sẽ tiến hành đặt

hàng 01 máy biến áp dự phòng 18000 KVA và hệ thống TU, TI đi kèm, kinh phí khoảng 8 tỷ đồng.

IV. CÁC KẾ HOẠCH KHÁC TRONG NĂM 2023

- Đáp ứng đúng lộ trình, kế hoạch triển khai dự án ERP của VCP Holdings;
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền phù hợp, đảm bảo ổn định tài chính trước dự báo kém khả quan về tình trạng thủy văn cũng như khả năng thanh toán tiền điện đúng hạn;
- Duy trì và ứng dụng có chiều sâu các công cụ quản lý hiện đại: BSC, 5S, Kaizen; ...
- Tiếp tục duy trì đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch đào tạo chung, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc cho giai đoạn tái cơ cấu mạnh mẽ của hệ thống VCP.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và dự kiến Kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh. Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo Đại Hội đồng cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- VCP Holdings (b/c);
- Lưu TCKH.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH

Trịnh Nguyên Khánh



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ

- Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty")
- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Công ty năm 2022

Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 03 thành viên:

- Bà Đinh Thị Hạnh - Trưởng Ban
- Ông Trần Xuân Ninh - Thành viên
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc - Thành viên

Ban Kiểm soát Công ty CP Thủy điện Xuân Minh báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kết quả hoạt động năm 2022, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2023, cụ thể như sau:

A. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂM 2022

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Không có sự biến động đối với nhân sự trong Ban Kiểm soát
2. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập mới để HĐQT bổ nhiệm đơn vị kiểm toán theo ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022
3. Ban Kiểm soát đã tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty, lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác hàng quý, xác định nội dung trọng điểm cho từng hoạt động đầu tư hay vận hành để xây dựng nội dung kiểm soát phù hợp
4. Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT Công ty hàng quý, năm đồng thời đã có những góp ý, ý kiến tham gia về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty
5. Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2022, đánh giá những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt, có phân tích nguyên nhân cụ thể
6. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban TGD theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
7. Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế công ty và pháp luật quy định
8. Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty; Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty
9. Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được Công ty Kiểm toán soát xét 06 tháng đầu năm và cả năm 2022, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập theo chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của công ty
10. Ban kiểm soát tham gia các ý kiến đóng góp cho công tác quản trị hoạt động SXKD của Công ty
11. Một số hoạt động khác theo phân công nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Các thành viên Ban kiểm soát đã nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm trong việc giám sát hoạt động tài chính, giám sát việc quản lý và điều hành của HĐQT và Ban TGD để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Kết quả kiểm tra hoạt động

1. Đánh giá tổng quan

Tinh gọn bộ máy và ổn định nhân sự: Tổng số lao động 24 CBCNV, tỷ lệ lao động gián tiếp và trực tiếp tương ứng 6-18 tại 31/12/22 và ổn định từ năm 2021. Công ty là công ty con của Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP. Hiện đại hoá phương thức vận hành. Hoàn thành 98% công tác số hoá tài liệu. Tự động hoá công tác văn thư lưu trữ.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các phiên họp và ban hành Nghị quyết theo đúng trình tự thủ tục, phù hợp chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT quy định theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty với các nội dung chính như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
- Chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thay thế cho Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định Việt Nam AVA kiểm toán BCTC năm 2022 theo ủy quyền của ĐHĐCĐ
- Phê duyệt phương án huy động vốn, phương án chi trả cổ tức năm 2021, kế hoạch sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng theo đúng Điều lệ hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật.

3. Đánh giá hoạt động của Ban TGD

Về Tài chính: Ban TGD đã tích cực triển khai các nhiệm vụ công việc được giao nêu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Ban TGD Công ty đã tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt được kết quả như sau (Số liệu được lấy theo BCTC đã được kiểm toán năm 2022):

Chi tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	TH-KH 2022	% TH/KH 2022
Sản lượng	kwh	61.877.529	62.201.619	72.698.210	10.496.591	17%
Doanh thu	tr.đ	73.332	72.744	80.416	7.672	11%
Chi phí	tr.đ	57.913	58.119	58.445	326	1%
Chi phí sản xuất	tr.đ	27.516	29.785	30.081	296	1%
Chi phí quản lý	tr.đ	4.211	4.210	4.718	508	12%
Chi phí tài chính	tr.đ	26.186	24.124	23.646	-478	-2%
Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	15.419	13.894	20.622	6.728	48%

Tổng doanh thu, thu nhập khác đạt 80,41 tỷ đồng, tăng 7,6 tỷ đồng (tương đương 17%) so với kế hoạch đầu năm. Nguyên nhân:

- Thủy văn trong năm tương đối thuận lợi. Lưu lượng nước về hồ thực tế cao, dẫn tới sản lượng phát điện cao.
- Các giải pháp phát điện giờ cao điểm được hoàn thiện và phát huy hiệu quả, dẫn tới doanh thu phát điện đạt cao so với lưu lượng thực tế.
- Đáng chú ý sản lượng phát điện năm 2022 là cao nhất kể từ khi phát điện, Doanh thu bán điện năm 2022 là cao nhất từ khi NM đi vào vận hành.

Tổng chi phí: 58,44 tỷ đồng, tăng 326 triệu (tương đương 1%) so với kế hoạch đầu năm, ảnh hưởng bởi tỷ trọng tăng, giảm của các chỉ tiêu chi phí. Cụ thể:

- Chi phí sản xuất tăng 1%, chi phí quản lý tăng 12% do: hạng mục gia cố sạt lở lòng hồ tăng khoảng 1 tỷ đồng so với kế hoạch đầu năm; Cơ cấu lại khoản mục chi phí từ trực tiếp sang gián tiếp.
- Chi phí tài chính giảm 2%, do dòng tiền tương đối ổn định, dẫn tới trong năm trả 30,1 tỷ vay ngắn, dài hạn. Bên cạnh đó, gốc vay được tối ưu trả nợ trước hạn để tiết giảm chi phí lãi vay.

Tình hình tài chính của Công ty được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	+/-	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	12.841	12.449	(392)	-3%
Tài sản dài hạn	tr.đ	431.854	411.425	(20.429)	-5%
Tổng tài sản	tr.đ	444.695	423.874	(20.821)	-5%
Nợ ngắn hạn	tr.đ	33.562	35.120	1.558	5%
Nợ dài hạn	tr.đ	247.869	220.288	(27.581)	-11%
Tổng nợ phải trả	tr.đ	281.431	255.408	(26.023)	-9%
Vốn góp CSH	tr.đ	150.000	150.000	-	0%
LN chưa phân phối	tr.đ	13.263	18.466	5.203	39%
Tổng vốn CSH	tr.đ	163.263	168.466	5.203	3%

Tổng tài sản giảm 20,8 tỷ đồng, từ 444,7 tỷ đồng xuống 423,9 tỷ đồng trong năm 2022. Tỷ trọng giảm chủ yếu nằm ở giảm giá trị tài sản cố định do tăng giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng nợ phải trả giảm mạnh so với năm 2021, xuống 255,4 tỷ đồng, tỷ trọng giảm 11% nằm ở giảm nợ dài hạn, do dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được sử dụng để trả các khoản nợ vay. Tổng vốn CSH tăng 3% do lợi nhuận chưa phân phối trong năm đạt 18,46 tỷ đồng, tăng 39%.

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022
Chỉ tiêu về cân bằng tài chính			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	0,38	0,35
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	lần	0,63	0,60
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	1,72	1,52
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tài sản	vòng	0,16	0,19
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,98	4,36
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,12	10,96

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn là 0,35 lần cho thấy 1đ nợ ngắn hạn được tài trợ đảm bảo bởi 0,35đ tài sản ngắn hạn. Nói cách khác, giá trị thuần của tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 nhỏ hơn không, doanh nghiệp có thể chưa đủ khả năng trang trải các khoản nợ ngắn hạn.

Dòng tiền thuần trong năm 2022 bị âm, trong khi dòng tiền năm 2021 dương, tuy nhiên năm 2022 cho thấy Công ty ít bị lệ thuộc vào dòng tiền bên ngoài. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh tăng gấp đôi với năm 2021, trong khi dòng tiền từ hoạt động tài chính cũng chi ra 44 tỷ so với năm 2021 là 25,8 tỷ càng thể hiện rõ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty tốt hơn.

Chỉ tiêu	2021	2022
Lợi nhuận Kế toán trước thuế	15.418	21.971
Chi phí lãi vay	26.186	23.645
Tiền lãi vay đã trả	(25.706)	(23.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	26.657	42.468

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(783)	832
Tiền thu từ đi vay	73.359	33.488
Tiền trả nợ gốc vay	(82.504)	(63.614)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(16.678)	(13.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(25.823)	(44.006)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(705)

Về Nhân sự: Bộ máy nhân sự ổn định

Về vận hành: Duy trì máy móc vận hành ổn định; Phát điện hiệu quả biểu giờ cao điểm; Đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, không xảy ra các sự cố liên quan đến an toàn lao động, PCCC, người lao động được tập huấn về sự cố, ứng phó với trường hợp bất ngờ như lũ lụt, PCCC; Hiện đại hóa phương thức quản lý điều hành như số hóa tài liệu, tự động hóa công tác văn thư...

4. Kết quả thẩm định BCTC năm 2022

Báo cáo tài chính năm 2022 được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, đúng chuẩn mực Kế toán Việt Nam và quy định về pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Công ty Kiểm toán đã điều chỉnh hồi tổi giảm doanh thu bán chứng chỉ phát thải Công ty đã ghi nhận năm 2020 với số tiền 2.155.986.191 VND.

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính năm 2022 mà Hội đồng quản trị đề trình lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban TGD

Ban kiểm soát, HĐQT và Ban TGD Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2022, HĐQT cùng Ban TGD và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

Công ty đã thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định.

III. Kết luận và Kiến nghị

1. Kết luận

Năm 2022 với sự nỗ lực của HĐQT và Ban TGD, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đã tiếp tục thể hiện sự phát triển của Công ty nhiều thông số đã đạt kỷ lục từ trước đến nay.

Ban Kiểm soát nhận định trong năm 2022, HĐQT và Ban TGD đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành. Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của HĐQT và Ban TGD trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, đầu tư cũng như ứng phó kịp thời những biến động của thị trường và điều kiện tự nhiên.

2. Kiến nghị

- Nỗ lực thực hiện, đáp ứng đúng lộ trình, kế hoạch triển khai dự án ERP của VCP Holdings
- Ban TGD Công ty xem xét duy trì và ứng dụng có chiều sâu các công cụ quản lý hiện đại: BSC, 5S, Kaizen...
- Tiếp tục phát huy trong việc tổ chức, thực hiện kế hoạch phát điện hợp lý để khai thác tối ưu lượng nước về hồ và phát điện hiệu quả giờ cao điểm.
- Thực hiện thêm các giải pháp để tăng nguồn lực tài chính bằng cách huy động vốn với chi phí phù hợp để đảm bảo cho hoạt động của công ty.

- Xây dựng kế hoạch dòng tiền phù hợp, đảm bảo ổn định tài chính trước dự báo kém khả quan về tình trạng thủy văn cũng như khả năng thanh toán tiền điện đúng hạn.
- Chuẩn bị nguồn mua sắm thiết bị dự phòng thay thế trong 3-6 năm tới cần được thống nhất triển khai để đảm bảo máy móc vận hành liên tục, ổn định, vừa đảm bảo không làm biến động chi phí sản xuất kinh doanh các năm.
- Trong năm ĐHCĐ đã có Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHCĐ ngày 26/4/2022 về chia cổ tức. Tính đến ngày 31/12/2022 vẫn còn dư phải trả về cổ tức 1.211.245.000đ, đề nghị Công ty tiếp tục thanh toán số cổ tức còn nợ cho cổ đông Công ty.

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2023

I. Nhiệm vụ chung

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2023, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kỳ theo điều lệ của công ty và quy chế hoạt động, lấy ngăn ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

II. Nhiệm vụ cụ thể năm 2023

- Phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông công ty.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Soát xét Báo cáo tài chính định kỳ theo quý.
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty, từ đó kịp thời đưa ra các đề xuất, cảnh báo hỗ trợ hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị và Ban TGD.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh năm 2022; phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên,
- HĐQT,
- Lưu VP Cty + BKS



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 28
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802200078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên
Ông	Phạm Văn Minh	Thành viên
Ông	Lê Văn Thủy	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên
Ông	Trần Xuân Ninh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Quang Minh

Tổng Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh được lập ngày 02 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2019-002-1



Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã TÀI SẢN số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.449.501.444	12.840.797.298
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền		594.469.127	1.299.489.709
111 1. Tiền	3	594.469.127	1.299.489.709
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	800.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	800.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.385.392.032	9.499.423.740
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	9.680.072.032	7.870.747.322
136 2. Phải thu ngắn hạn khác	5	705.320.000	1.628.676.418
140 IV. Hàng tồn kho		1.469.640.285	1.208.321.740
141 1. Hàng tồn kho	6	1.469.640.285	1.208.321.740
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		-	33.562.109
153 1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	33.562.109
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		411.424.910.181	431.854.098.075
220 II. Tài sản cố định		404.551.908.452	423.928.909.101
221 1. Tài sản cố định hữu hình	7	384.448.140.885	403.360.314.538
222 - Nguyên giá		463.932.976.883	463.932.976.883
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(79.484.835.998)	(60.572.662.345)
227 2. Tài sản cố định vô hình	8	20.103.767.567	20.568.594.563
228 - Nguyên giá		21.818.442.843	21.818.442.843
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.714.675.276)	(1.249.848.280)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		6.873.001.729	7.925.188.974
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	9	6.873.001.729	7.925.188.974
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		423.874.411.625	444.694.895.373

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa


Báo cáo tài chính


Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		255.408.348.024	281.431.907.284
310	I. Nợ ngắn hạn		35.120.342.514	33.562.606.694
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	406.840.910	338.750.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.055.942.019	627.332.826
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	456.471.974	479.753.847
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.522.472.655	938.907.671
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10	28.632.982.792	31.177.704.466
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		45.632.164	157.884
330	II. Nợ dài hạn		220.288.005.510	247.869.300.590
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10	220.288.005.510	247.869.300.590
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		168.466.063.601	163.262.988.089
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	168.466.063.601	163.262.988.089
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.466.063.601	13.262.988.089
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.155.986.191)	(2.155.986.191)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		20.622.049.792	15.418.974.280
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		423.874.411.625	444.694.895.373


Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu


Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng


Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 02 tháng 03 năm 2023



Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	80.004.418.933	73.316.328.410
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.004.418.933	73.316.328.410
11	4. Giá vốn hàng bán	18	30.081.425.731	27.516.217.901
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.922.993.202	45.800.110.509
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	18.834.751	16.822.148
22	7. Chi phí tài chính		23.645.744.492	26.186.316.480
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		23.645.744.492	26.186.316.480
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	4.717.909.715	4.211.641.897
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.578.173.746	15.418.974.280
31	11. Thu nhập khác	21	393.055.444	-
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		393.055.444	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.971.229.190	15.418.974.280
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	1.349.179.398	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>20.622.049.792</u>	<u>15.418.974.280</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	1.375	1.028



Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu



Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng



Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Năm 2022***(Theo phương pháp gián tiếp)*

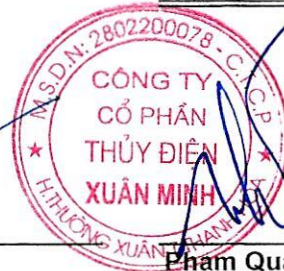
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21.971.229.190	15.418.974.280
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		19.377.000.649	19.377.000.652
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(18.834.751)	(16.822.148)
06	- Chi phí lãi vay		23.645.744.492	26.186.316.480
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		64.975.139.580	60.965.469.264
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(865.868.101)	6.900.974.920
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(261.318.545)	(551.581.431)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		1.611.301.889	(12.077.684.092)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		1.052.187.245	(2.077.855.849)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(23.669.026.365)	(25.706.562.633)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(373.500.000)	(795.194.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		42.468.915.703	26.657.566.179
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(800.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		800.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		32.296.669	16.822.148
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		832.296.669	(783.177.852)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		33.488.109.352	73.359.978.691
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(63.614.126.106)	(82.504.798.227)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.880.216.200)	(16.678.582.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(44.006.232.954)	(25.823.401.536)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(705.020.582)	50.986.791
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.299.489.709	1.248.502.918
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	594.469.127	1.299.489.709



Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu



Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng



Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2022***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802200078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 24 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 24 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện,...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2022, tài sản ngắn hạn của Công ty đang thấp hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 22.698.681.542 VND, trong đó có 24.332.982.792 VND là nợ dài hạn đến hạn trả (tương ứng tại ngày 01/01/2022 số nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 20.721.809.396 VND, trong đó có 24.332.982.792 VND là nợ dài hạn đến hạn trả) cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, qua đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh thực tế cũng như các phân tích dòng tiền hoạt động của Công ty trong thời gian tới, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh mua bán điện, đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên khi đến hạn phải trả và có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính này được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Quyền sử dụng đất	47 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí gia cố thượng lưu và đập gia tải đập phụ đang được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 60 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng trong 36 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.18 . Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính của Công ty là chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Chính sách Ưu đãi thuế

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư mã số dự án: 1661326561, chứng nhận lần đầu ngày 04/08/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đầu tư Dự án thủy điện Xuân Minh, thuộc lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo, đầu tư tại huyện Thường Xuân là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 2, điều 15 Luật Đầu tư năm 2014: Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo và áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư này. Dự án bắt đầu đi vào hoạt động năm 2018, năm 2022 là năm đầu Công ty được hưởng ưu đãi thuế giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp và áp dụng thuế suất ưu đãi 10%.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi địa bàn đầu tư và 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh khác có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện năng tại tỉnh Thanh Hóa nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3 . TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	45.851.016	209.221.915
Tiền gửi ngân hàng	548.618.111	1.090.267.794
	594.469.127	1.299.489.709

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022	01/01/2022 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
a. Bên liên quan	129.600.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	38.880.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	90.720.000	-
b. Bên khác	9.550.472.032	7.870.747.322
- Công ty Điện lực Thanh Hóa - Điện lực Thường Xuân	13.574.551	16.713.312
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	9.536.897.481	7.854.034.010
	9.680.072.032	7.870.747.322

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Chi tiết theo nội dung		
- Tạm ứng	369.320.000	1.248.000.000
- Thù lao HĐQT, BKS	336.000.000	270.000.000
- Phải thu lãi dự thu	-	13.461.918
- Phải thu ngắn hạn khác	-	97.214.500
	705.320.000	1.628.676.418
b. Chi tiết theo đối tượng		
Bên liên quan	336.000.000	270.000.000
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	60.000.000	45.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	48.000.000	48.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	48.000.000	36.000.000
- Ông Phạm Văn Minh	48.000.000	36.000.000
- Ông Lê Văn Thủy	48.000.000	36.000.000
- Bà Đinh Thị Hạnh	36.000.000	27.000.000
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc	24.000.000	18.000.000
- Ông Trần Xuân Ninh	24.000.000	24.000.000
Bên khác	369.320.000	1.358.676.418
- Các đối tượng khác	369.320.000	1.358.676.418
	705.320.000	1.628.676.418

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.431.674.295	1.199.249.740
- Công cụ, dụng cụ	37.965.990	9.072.000
	1.469.640.285	1.208.321.740

7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	250.909.211.464	211.823.946.328	1.199.819.091	463.932.976.883
Số dư cuối năm	250.909.211.464	211.823.946.328	1.199.819.091	463.932.976.883
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	24.597.469.579	35.150.317.136	824.875.630	60.572.662.345
- Khấu hao trong năm	7.837.094.368	10.925.101.897	149.977.388	18.912.173.653
Số dư cuối năm	32.434.563.947	46.075.419.033	974.853.018	79.484.835.998
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	226.311.741.885	176.673.629.192	374.943.461	403.360.314.538
Tại ngày cuối năm	218.474.647.517	165.748.527.295	224.966.073	384.448.140.885

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 383.631.008.562 VND.

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 31/12/2022, tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có nguyên giá 21.818.442.843 VND. Giá trị còn lại và hao mòn lũy kế lần lượt là 20.103.767.567 VND và 1.714.675.276 VND, trong đó khấu hao năm 2022 là 464.826.996 VND.

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Nguyên giá 20.102.996.170 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại tại xã Xuân Cẩm, Xuân Cao, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa sau khi bù trừ tiền thuê đất (Thuyết minh 9) được ghi nhận là TSCĐ vô hình theo Công văn số 2825/CT-TTHT ngày 21/06/2019 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa về việc chính sách thuế đối với tiền thuê đất và chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.
- Nguyên giá 1.715.446.673 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 20.103.767.567 VND.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí thuê đất (*)	4.723.970.441	4.834.688.498
- Chi phí gia cố thượng lưu và gia tải đập phụ	1.754.231.467	2.267.665.067
- Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	394.799.821	822.835.409
	6.873.001.729	7.925.188.974

(*) Mảnh đất Công ty thuê tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ cho công trình Thủy điện Xuân Minh với thời hạn thuê đến tháng 8 năm 2065. Diện tích khu đất thuê là 179.296,3 m². Số dư cuối năm là số sau khi đã được bù trừ theo Công văn số 2825/CT-TTHT (Thuyết minh 8) và sau khi đã được phân bổ 52 tháng.

10 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 01.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	265.090.910	265.090.910	187.500.000	187.500.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	141.750.000	141.750.000	151.250.000	151.250.000
	406.840.910	406.840.910	338.750.000	338.750.000

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	456.471.974	479.753.847
	456.471.974	479.753.847
Trong đó: Bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	24.264.658	26.364.179
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	1.144.110	-
- Ông Nguyễn Viết Hoàng	10.750.685	-
- Ông Vũ Hà Nam	4.801.234	-
- Ông Vũ Tuấn Cường	247.827.124	152.753.425
	288.787.811	179.117.604

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	91.214.400	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.211.245.000	91.461.200
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.220.013.255	847.446.471
+ <i>Phí dịch vụ môi trường rừng phải trả Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam</i>	736.488.360	475.981.632
+ <i>Thuế Tài nguyên nước</i>	483.524.895	351.464.839
+ <i>Phải trả khác</i>	-	20.000.000
	2.522.472.655	938.907.671
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	710.000.000	-
	710.000.000	-

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối (Đã điều chỉnh) VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	6.136.525.447	156.136.525.447
Lãi trong năm trước	-	15.418.974.280	15.418.974.280
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị	-	(792.511.638)	(792.511.638)
Phân phối lợi nhuận	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	13.262.988.089	163.262.988.089
Lãi trong năm nay	-	20.622.049.792	20.622.049.792
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị (*)	-	(418.974.280)	(418.974.280)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Số dư cuối năm	150.000.000.000	18.466.063.601	168.466.063.601

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/XM ngày 26 tháng 04 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế (i)		15.418.974.280
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,91	140.974.280
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị	1,80	278.000.000
Chi trả cổ tức bằng tiền	97,28	15.000.000.000

(i) Lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01/01/2022 chênh lệch so với Kết quả kinh doanh sau thuế trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ/ĐHĐCĐ/XM do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố doanh thu chuyển nhượng quyền phát thải CERs năm 2020 (Thuyết minh 30).

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	76.500.000.000	51,00	76.500.000.000	51,00
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	7.500.000.000	5,00	7.500.000.000	5,00
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	15.000.000.000	10,00	15.000.000.000	10,00
- Các cổ đông khác	51.000.000.000	34,00	51.000.000.000	34,00
	150.000.000.000	100,00	150.000.000.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	91.461.200	9.270.043.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	15.000.000.000	7.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	15.000.000.000	7.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(13.880.216.200)	(16.678.582.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(13.880.216.200)	(16.678.582.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.211.245.000	91.461.200

d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ cho công trình Thủy điện Xuân Minh với thời hạn thuê đến tháng 8 năm 2065. Diện tích khu đất thuê là 179.296,3 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày kết thúc hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước sau khi hết giá trị bù trừ tiền thuê đất với chi phí giải phóng mặt bằng (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu thủy điện	79.874.583.493	72.640.103.246
Doanh thu điện áp mái	129.835.440	146.745.360
Doanh thu chuyển nhượng quyền phát thải CERs	-	529.479.804
	80.004.418.933	73.316.328.410

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh thủy điện	29.899.220.731	27.334.012.901
Giá vốn kinh doanh điện áp mái	182.205.000	182.205.000
	30.081.425.731	27.516.217.901
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)</i>	1.426.818.182	1.618.850.000

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	18.834.751	16.822.148
	18.834.751	16.822.148

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	188.265.169	117.200.570
Chi phí nhân công	3.178.175.358	3.315.938.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	149.977.387	149.977.388
Thuế, phí, và lệ phí	10.106.726	64.375.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	847.332.205	502.944.739
Chi phí khác bằng tiền	344.052.870	61.205.270
	4.717.909.715	4.211.641.897
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)</i>	300.000.000	207.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ bán Chứng chỉ năng lượng tái tạo quốc tế (I-RECs)	273.055.444	-
Thu nhập từ cho thuê xe ô tô	120.000.000	-
	393.055.444	-
Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan	120.000.000	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)</i>		

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	21.971.229.190	15.418.974.280
Các khoản điều chỉnh tăng	4.877.326.436	-
- Chi phí không hợp lệ	625.041.936	-
- Điều chỉnh lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP	4.252.284.500	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(15.418.974.280)
- Thu nhập được miễn thuế TNDN	-	(15.418.974.280)
Thu nhập chịu thuế TNDN	26.848.555.626	-
- Thu nhập được hưởng ưu đãi	26.803.544.844	-
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	45.010.782	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.689.356.640	-
- Chi phí thuế TNDN được hưởng ưu đãi	2.680.354.484	-
- Chi phí thuế TNDN hoạt động khác	9.002.156	-
Số thuế TNDN được giảm theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP	(1.340.177.242)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm	1.349.179.398	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.349.179.398	-

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	20.622.049.792	15.418.974.280
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.622.049.792	15.418.974.280
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.375	1.028

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	602.422.769	560.351.369
Chi phí nhân công	7.121.650.665	6.982.750.664
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.377.000.649	19.377.000.652
Thuế, phí và lệ phí	10.106.726	64.375.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.952.392.866	4.498.390.821
Chi phí khác bằng tiền	735.761.771	244.990.570
	<u>34.799.335.446</u>	<u>31.727.859.798</u>

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND
Tại ngày 31/12/2022	
Tiền	594.469.127
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.385.392.032
	<u>10.979.861.159</u>
Tại ngày 01/01/2022	
Tiền	1.299.489.709
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.499.423.740
	<u>10.798.913.449</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022			
Vay và nợ	28.632.982.792	220.288.005.510	248.920.988.302
Phải trả người bán, phải trả khác	2.929.313.565	-	2.929.313.565
Chi phí phải trả	456.471.974	-	456.471.974
	32.018.768.331	220.288.005.510	252.306.773.841
Tại ngày 01/01/2022			
Vay và nợ	31.177.704.466	247.869.300.590	279.047.005.056
Phải trả người bán, phải trả khác	1.277.657.671	-	1.277.657.671
Chi phí phải trả	479.753.847	-	479.753.847
	32.935.115.984	247.869.300.590	280.804.416.574

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
a. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	33.488.109.352	73.359.978.691
b. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	63.614.126.106	82.504.798.227

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	Cổ đồng góp vốn
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Công ty cùng Công ty mẹ
Ông Vũ Tuấn Cường	Cổ đồng lớn của Công ty mẹ
Ông Vũ Hà Nam	Tổng Giám đốc Công ty cùng Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau (tiếp theo):

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Viết Hoàng	Kế toán trưởng Công ty cùng Công ty mẹ
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Văn Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Văn Thủy	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trịnh Xuân Ninh	Thành viên Ban Kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Mua hàng hóa dịch vụ	1.426.818.182	1.618.850.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	745.000.000	819.500.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	681.818.182	739.350.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	-	60.000.000
Chi phí thuê văn phòng	300.000.000	207.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	300.000.000	207.000.000
Chia cổ tức	8.400.000.000	4.200.000.000
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	750.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	7.650.000.000	3.825.000.000
Chi phí lãi vay	1.095.130.014	209.143.385
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	140.002.389	56.389.960
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	2.130.411	-
- Ông Nguyễn Viết Hoàng	19.337.228	-
- Ông Vũ Hà Nam	8.378.960	-
- Ông Vũ Tuấn Cường	925.281.026	152.753.425
Thu nhập khác	120.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	36.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	84.000.000	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		1.149.560.000	995.860.000
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	45.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên HĐQT	48.000.000	36.000.000
- Ông Phạm Văn Minh	Thành viên HĐQT	48.000.000	36.000.000
- Ông Lê Văn Thủy	Thành viên HĐQT	48.000.000	36.000.000
- Ông Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc	765.560.000	705.860.000
- Ông Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc	48.000.000	20.000.000
- Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng Ban KS	36.000.000	27.000.000
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên Ban KS	24.000.000	18.000.000
- Ông Trịnh Xuân Ninh	Thành viên Ban KS	24.000.000	24.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
Bảng cân đối kế toán				
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10.026.733.513	7.870.747.322	(2.155.986.191)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	-	(2.155.986.191)	(2.155.986.191)

Nguyên nhân là do ghi giảm doanh thu chuyển nhượng quyền phát thải CERs năm 2020 theo thư trả lời của Đại diện Dự án REDP.



Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu



Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng



Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Phụ lục 01 : VAY

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	VND	VND	trả nợ
		VND		VND		VND
a. Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	6.844.721.674	6.844.721.674	6.291.434.450	8.836.156.124	4.300.000.000	4.300.000.000
- Vay cá nhân	(1) 4.215.000.000	4.215.000.000	5.357.594.384	5.272.594.384	4.300.000.000	4.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hà Thành	2.629.721.674	2.629.721.674	933.840.066	3.563.561.740	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Thăng Long	(2) 24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792
	31.177.704.466	31.177.704.466	30.624.417.242	33.169.138.916	28.632.982.792	28.632.982.792
b. Vay dài hạn						
Vay dài hạn	272.202.283.382	272.202.283.382	27.196.674.902	54.777.969.982	244.620.988.302	244.620.988.302
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Thăng Long	(2) 237.782.313.551	237.782.313.551	-	24.332.982.792	213.449.330.759	213.449.330.759
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	(3) 1.980.025.781	1.980.025.781	3.918.780.443	3.048.806.224	2.850.000.000	2.850.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	(4) -	-	2.300.000.000	500.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
- Vay cá nhân	(5) 32.439.944.050	32.439.944.050	20.977.894.459	26.896.180.966	26.521.657.543	26.521.657.543
	272.202.283.382	272.202.283.382	27.196.674.902	54.777.969.982	244.620.988.302	244.620.988.302
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(24.332.982.792)	(24.332.982.792)	(24.332.982.792)	(24.332.982.792)	(24.332.982.792)	(24.332.982.792)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	247.869.300.590	247.869.300.590			220.288.005.510	220.288.005.510

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Phụ lục 01 : VAY (tiếp theo)**c. Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

STT	Đối tượng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngắn hạn					
(1)	Vay cá nhân	Từ 03 - 12 tháng	9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Dài hạn					
(2)	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Thăng Long	Đến hết ngày 17/01/2032	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ chi phí đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Xuân Minh (không bao gồm VAT dự án)	Toàn bộ tài sản thuộc dự án thủy điện Xuân Minh
(3)	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Đến hết ngày 20/06/2024	9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(4)	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Đến hết ngày 29/06/2024	9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(5)	Vay cá nhân	Từ 13 - 18 tháng	9% - 11,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ

d. Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2022		01/01/2022	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn					
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Công ty cùng Công ty mẹ	2.850.000.000	24.264.658	1.980.025.781	26.364.179
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Công ty cùng Công ty mẹ	1.800.000.000	1.144.110	-	-
- Ông Nguyễn Việt Hoàng	Kế toán trưởng Công ty cùng Công ty mẹ	1.200.000.000	10.750.685	-	-
- Ông Vũ Hà Nam	Tổng Giám đốc Công ty cùng Công ty mẹ	503.577.726	4.801.234	-	-
- Ông Vũ Tuấn Cường	Cổ đông lớn Công ty mẹ	9.500.000.000	247.827.124	15.000.000.000	152.753.425
		15.853.577.726	288.787.811	16.980.025.781	179.117.604

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	627.332.826	7.022.491.005	6.093.371.874	-	1.556.451.957
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.349.179.398	-	-	1.349.179.398
- Thuế Thu nhập cá nhân	33.562.109	-	652.056.462	468.183.689	-	150.310.664
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	33.562.109	627.332.826	9.026.726.865	6.564.555.563	-	3.055.942.019

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



Số: 01/2023/TT-TCTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và dự kiến năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam phát hành ngày 02/3/2023.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và dự kiến năm 2023 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

1. Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	:	20.622.049.792 đồng
2. Dự kiến phân phối:		
2.1. Chia cổ tức 9%	:	13.500.000.000 đồng
2.2. Điều chỉnh hồi tố doanh thu CDM năm 2020	:	2.155.986.191 đồng
2.3. Trích lập quỹ đầu tư phát triển	:	3.707.230.266 đồng
2.4. Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	:	250.000.000 đồng
2.5. Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022	:	336.000.000 đồng
2.6. Thưởng HĐQT, Ban điều hành	:	672.833.335 đồng

II. Phương án chi trả cổ tức năm 2022

1. Tổng số tiền trả cổ tức	:	13.500.000.000 đồng
2. Hình thức trả	:	Bằng tiền
3. Thời gian chi trả	:	Từ 01/10/2023

III. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

1. Cổ tức: Tỷ lệ cụ thể được chi trả trên cơ sở thực tế kết quả SXKD năm 2023.
2. Trích các quỹ: Tỷ lệ cụ thể được trích lập trên cơ sở thực tế kết quả SXKD năm 2023.
3. Chi trả thù lao HĐQT, BKS theo phương án được phê duyệt.
4. Thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành và cán bộ quản lý tối đa 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH



Trịnh Nguyên Khánh

Trịnh Nguyên Khánh

Số: 02/2023/TT-TCTC

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Phụ cấp định kỳ		
			Mức phụ cấp/ người/tháng	Số tháng	Thành tiền
1	HĐQT	5			252.000.000
	Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	12	60.000.000
	Thành viên HĐQT	4	4.000.000	12	192.000.000
2	Ban kiểm soát	3			84.000.000
	Trưởng BKS	1	3.000.000	12	36.000.000
	Thành viên BKS	2	2.000.000	12	48.000.000
	Cộng				336.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.
Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH



Trịnh Nguyên Khánh

Số: 01 /2023/TT-BKS

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua việc ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh;
- Căn cứ Kết quả thẩm tra công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Để phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính của Công ty trong năm 2023, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định và chuẩn mực hiện hành của Nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích cho các cổ đông, Ban Kiểm soát đề nghị Công ty thuê một đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện, uy tín để thực hiện Báo cáo tài chính năm 2023.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn bổ nhiệm Công ty kiểm toán có đủ uy tín, năng lực, điều kiện và giá cả phù hợp có thể đáp ứng được yêu cầu thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận :

- Như kính gửi ;
- HĐQT;
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
XUÂN MINH
Đinh Thị Hạnh

Số: 03/2023/TT-TCTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh trên sàn Upcom sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chuyển sàn giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh (Mã chứng khoán XMP) từ sàn giao dịch Upcom sang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) như sau:

I. Nội dung phương án

Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu XMP tại sàn Upcom và chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại HNX:

- Mã chứng khoán: XMP
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng đăng ký niêm yết: Toàn bộ số cổ phiếu đã phát hành của Công ty đến thời điểm đăng ký chuyển sàn niêm yết cổ phiếu XMP tại HNX.

II. Lộ trình thực hiện

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị:

- Chuẩn bị hồ sơ, các thủ tục cần thiết và triển khai các công việc liên quan đến thực hiện chuyển sàn giao dịch;
- Quyết định thời điểm thực hiện chuyển sàn sau khi Công ty đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH



Trịnh Nguyên Khánh

Số: 04/2023/TT-TCTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Ngày 15/3/2023, Bà Nguyễn Thị Hà Ninh – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh (“Công ty”) nhiệm kỳ 2020-2025 đã có đơn từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) vì lý do cá nhân. Trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đồng thời đáp ứng nhu cầu quản trị điều hành trong giai đoạn tới, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Hà Ninh

- Thời điểm miễn nhiệm: Kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua
- Giao Ban điều hành giải quyết các vấn đề về quyền lợi, chế độ của Bà Nguyễn Thị Hà Ninh theo đúng quy định.

2. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025

- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 01 thành viên
- Tiêu chuẩn và điều kiện: Đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH



Trịnh Nguyễn Khánh